

**DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG 2**  
**KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐỢT 1, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo thông báo số /TB-SGDĐT ngày tháng năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 1   | TD2024228   | Phạm Thị Thủy        | 14/02/1985 | Nữ        | Giáo viên Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Âm nhạc   |         |
| 2   | TD2024268   | Nguyễn Mỹ Chiêu Anh  | 24/10/1996 | Nữ        | Giáo viên Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Âm nhạc   |         |
| 3   | TD2024337   | Nguyễn Phát Huy      | 26/03/1998 | Nam       | Giáo viên Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Âm nhạc   |         |
| 4   | TD2024352   | Lê Ái Xuân Phương    | 30/01/1996 | Nữ        | Giáo viên Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Âm nhạc   |         |
| 5   | TD2024368   | Trần Hữu Hoàng       | 18/08/1984 | Nam       | Giáo viên Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Âm nhạc   |         |
| 6   | TD2024394   | Hoàng Bắc Động       | 08/03/1979 | Nam       | Giáo viên Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Âm nhạc   |         |
| 7   | TD2024443   | Hồ Nguyễn Nam Phương | 12/03/1992 | Nữ        | Giáo viên Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Âm nhạc   |         |
| 8   | TD2024790   | Nguyễn Trần Xuân Vy  | 28/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Âm nhạc   |         |
| 9   | TD202462    | Trần Thị Quý         | 23/04/1994 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 1  |         |
| 10  | TD2024116   | Phạm Thị Vui         | 06/06/1986 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 1  |         |
| 11  | TD2024136   | Lê Thị Bảo Quyên     | 27/03/1994 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 1  |         |
| 12  | TD2024176   | Bùi Văn Ninh         | 03/04/1989 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 1  |         |
| 13  | TD2024185   | Vũ Phạm Đức Chính    | 08/04/1992 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 1  |         |
| 14  | TD2024294   | Nguyễn Thị Hà Phương | 16/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 1  |         |
| 15  | TD2024297   | Phạm Hữu Hòa         | 10/10/1992 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 1  |         |
| 16  | TD2024308   | Trần Như Quang Tín   | 17/12/1995 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 2  |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                              | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 17  | TD2024379   | Trương Thị Nga       | 15/01/1995 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 2  |         |
| 18  | TD2024380   | Phan Thị Hằng        | 17/09/1995 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 2  |         |
| 19  | TD2024455   | Nguyễn Thị Kiều Oanh | 10/09/2001 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 2  |         |
| 20  | TD2024532   | Lê Văn Nhỏ           | 19/03/1991 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 2  |         |
| 21  | TD2024555   | Nguyễn Thanh Tiến    | 03/09/1995 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 2  |         |
| 22  | TD2024604   | Bùi Hà Cao Tài       | 30/09/2002 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 2  |         |
| 23  | TD2024659   | Vũ Thị Giáng My      | 15/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 3  |         |
| 24  | TD2024670   | Huỳnh Phụng Nghi     | 02/03/2000 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 3  |         |
| 25  | TD2024726   | Trần Hà Đức Huy      | 04/08/2002 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 3  |         |
| 26  | TD2024732   | Phạm Hoàng Thảo      | 26/06/2000 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 3  |         |
| 27  | TD2024745   | Nguyễn Trịnh Hạnh Vy | 12/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 3  |         |
| 28  | TD2024783   | Phạm Thị Hồng Loan   | 21/06/1999 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 3  |         |
| 29  | TD2024914   | Lê Hữu Lợi           | 27/09/1999 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 03/08/2024 | Sáng     | Địa lý 3  |         |
| 30  | TD2024941   | Trần Minh Tiến       | 26/02/1999 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 1  |         |
| 31  | TD2024942   | Cao Thị Trinh        | 15/07/1990 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 1  |         |
| 32  | TD20241085  | Nguyễn Ngọc Thắm     | 24/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 1  |         |
| 33  | TD20241127  | Nguyễn Thị Kim Thu   | 20/11/1993 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 1  |         |
| 34  | TD20241173  | Phạm Võ Thành Đạt    | 08/07/1999 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 1  |         |
| 35  | TD20241187  | Hoàng Thị Chung      | 05/07/1991 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 1  |         |
| 36  | TD20241198  | Trương Thị Ngọc Trâm | 28/08/2001 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 1  |         |
| 37  | TD20241216  | Nguyễn Thị Hồng Ánh  | 01/05/1999 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 1  |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                                       | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 38  | TD20241224  | Lê Văn Truyền          | 13/11/1982 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 2  |         |
| 39  | TD20242252  | Lộc Trọng Cầu          | 10/01/1997 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 2  |         |
| 40  | TD20243251  | Nguyễn Thị Kim Ngân    | 23/06/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 2  |         |
| 41  | TD20243308  | Trần Ngọc Thủy Dương   | 31/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 2  |         |
| 42  | TD20244352  | Nguyễn Thị Hồng Mai    | 15/10/1997 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 2  |         |
| 43  | TD20244373  | Trần Thuận Ý           | 16/02/1997 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 2  |         |
| 44  | TD20244387  | Nguyễn Văn Quý         | 23/09/1997 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 2  |         |
| 45  | TD20245428  | Nguyễn Hoài Nam        | 04/12/1995 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 3  |         |
| 46  | TD20245436  | Nguyễn Thị Kiều Nương  | 30/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 3  |         |
| 47  | TD20245440  | Lê Hùng Tấn Lộc        | 21/10/2002 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 3  |         |
| 48  | TD20241002  | Phạm Thị Tố Trinh      | 24/07/1997 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 3  |         |
| 49  | TD20241029  | Nguyễn Trọng Nghĩa     | 01/08/1990 | Nam       | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 3  |         |
| 50  | TD202457    | Phan Lê Như Hoàng      | 20/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 3  |         |
| 51  | TD2024752   | Nguyễn Thị Kim Phi     | 04/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)                          |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Địa lý 3  |         |
| 52  | TD202416    | Trần Thu Thủy          | 10/08/1995 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD&ĐT 1   |         |
| 53  | TD202440    | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 20/02/1998 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD&ĐT 1   |         |
| 54  | TD2024135   | Lê Hoàng An            | 03/07/2002 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD&ĐT 1   |         |
| 55  | TD2024361   | Đinh Hoàng Phương Thảo | 19/05/1999 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD&ĐT 1   |         |
| 56  | TD2024416   | Nguyễn Thị Thùy Linh   | 01/04/1998 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD&ĐT 1   |         |
| 57  | TD2024430   | Trịnh Hồng Thủy        | 13/07/2001 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD&ĐT 1   |         |
| 58  | TD2024432   | Nguyễn Thị Huyền Trang | 01/09/2002 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD&ĐT 1   |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                                       | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 59  | TD2024449   | Trần Trương Kim Ngọc  | 05/08/2000 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 2   |         |
| 60  | TD2024517   | Vũ Thị Nguyệt         | 08/01/1984 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 2   |         |
| 61  | TD2024550   | Nguyễn Hoàng Huy      | 02/05/1999 | Nam       | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 2   |         |
| 62  | TD2024573   | Nguyễn Anh Khoa       | 15/01/1993 | Nam       | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 2   |         |
| 63  | TD2024578   | Biện Thị Chiến        | 18/02/1999 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 2   |         |
| 64  | TD2024609   | Trần Thị Hằng         | 08/04/1999 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 2   |         |
| 65  | TD2024719   | Trần Thị Minh Mẫn     | 30/05/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 2   |         |
| 66  | TD2024721   | Phan Thị Hải Ninh     | 21/06/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 3   |         |
| 67  | TD2024748   | Đinh Thị Diễm My      | 23/10/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 3   |         |
| 68  | TD2024779   | Đinh Tô Hoàng Nguyên  | 16/04/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 3   |         |
| 69  | TD2024780   | Lâm Nhã Bình          | 26/03/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 3   |         |
| 70  | TD2024829   | Hoàng Thị Lại         | 03/02/1988 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 3   |         |
| 71  | TD2024839   | Tạ Vũ Công Thành      | 10/04/1992 | Nam       | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 3   |         |
| 72  | TD2024943   | Huỳnh Bình Yến Linh   | 14/11/1999 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | GD CD 3   |         |
| 73  | TD2024974   | Tô Bảo Vy             | 01/08/2001 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | GD CD 1   |         |
| 74  | TD20241001  | Nguyễn Thị Hạnh       | 25/08/1996 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD CD 1   |         |
| 75  | TD20241008  | Phạm Thị Kim Tuyền    | 07/03/1993 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD CD 1   |         |
| 76  | TD20241090  | Nguyễn Ngọc Mỹ Hân    | 19/11/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD CD 1   |         |
| 77  | TD20241091  | Phạm Thị Huyền Trinh  | 22/04/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD CD 1   |         |
| 78  | TD20241092  | Phạm Huỳnh Thanh Trúc | 20/09/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD CD 1   |         |
| 79  | TD20241113  | Trương Thị Huyền Trân | 12/12/2002 | Nữ        | Giáo viên GD CD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD CD 1   |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                                       | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi    | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|--------------|---------|
| 80  | TD20241115  | Nguyễn Thị Nhật Tuyền   | 24/08/1997 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 2      |         |
| 81  | TD20241200  | Đỗ Thị Kim Phượng       | 01/05/2001 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 2      |         |
| 82  | TD20241204  | Phan Thị Hương Bình     | 22/08/2002 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 2      |         |
| 83  | TD20243255  | Lâm Thị Chân            | 10/07/2002 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 2      |         |
| 84  | TD20243295  | Lê Nguyễn Phương Anh    | 05/05/2002 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 2      |         |
| 85  | TD20243302  | Nguyễn Bảo Anh          | 15/11/1982 | Nam       | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 2      |         |
| 86  | TD20244332  | Dương Thị Thùy Trang    | 11/06/2002 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 2      |         |
| 87  | TD20244401  | Đặng Nguyễn Thị Mỹ Linh | 07/12/1998 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 3      |         |
| 88  | TD20244407  | Nguyễn Thị Khánh Linh   | 12/04/2001 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 3      |         |
| 89  | TD20241040  | Phùng Thị Ngọc Ánh      | 12/08/2002 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 3      |         |
| 90  | TD20241042  | Nguyễn Nhật Linh        | 26/12/2000 | Nam       | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 3      |         |
| 91  | TD20241048  | Lê Phạm Tuyết Nhi       | 12/07/2002 | Nữ        | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 3      |         |
| 92  | TD2024169   | Trần Phước Lợi          | 03/04/1999 | Nam       | Giáo viên GD&ĐT (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GD&ĐT 3      |         |
| 93  | TD202465    | Trần Thị Yến Vy         | 02/06/1999 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)             |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 1 |         |
| 94  | TD202479    | Nguyễn Hữu Trọng        | 20/09/1989 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)             | 3                              | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 1 |         |
| 95  | TD2024129   | Triệu Thị Vân           | 07/12/1991 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)             | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 1 |         |
| 96  | TD2024149   | Phạm Văn Nam            | 14/12/1997 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)             |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 1 |         |
| 97  | TD2024216   | Trương Ngọc Đại         | 29/07/1999 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)             | 3                              | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 1 |         |
| 98  | TD2024220   | Nguyễn Thành Việt       | 24/02/1996 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)             |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 1 |         |
| 99  | TD2024245   | Lê Hữu Lợi              | 19/11/1996 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)             |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 1 |         |
| 100 | TD2024275   | Hồ Thị Thu Hương        | 21/01/1994 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)             |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 2 |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                           | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi    | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|--------------|---------|
| 101 | TD2024412   | Nguyễn Văn Hưng     | 27/02/1999 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 2 |         |
| 102 | TD2024434   | Phạm Nhâm Ngọ       | 04/06/2002 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 2 |         |
| 103 | TD2024533   | Lê Ngọc Như Ý       | 01/06/1999 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 2 |         |
| 104 | TD2024572   | Nguyễn Minh Quyền   | 13/05/1999 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 2 |         |
| 105 | TD2024595   | Đặng Văn Lên        | 20/02/1998 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 2 |         |
| 106 | TD2024742   | Nguyễn Lưu Việt     | 01/02/1993 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Quốc Phòng 2 |         |
| 107 | TD2024784   | Nguyễn Tấn Vinh     | 02/02/1999 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 1 |         |
| 108 | TD2024845   | Ngô Tấn Lực         | 23/02/1995 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 1 |         |
| 109 | TD2024875   | Hồ Phương Thảo      | 25/05/1999 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 1 |         |
| 110 | TD2024951   | Nguyễn Thị Yến Anh  | 15/04/1996 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 1 |         |
| 111 | TD2024953   | Hoàng Nông Hậu      | 04/05/2001 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 1 |         |
| 112 | TD20241012  | Lê Văn Vũ           | 05/05/1999 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 1 |         |
| 113 | TD20241070  | Đỗ Ngọc Bình        | 22/09/1999 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 1 |         |
| 114 | TD20241146  | Nguyễn Đức Nguyên   | 10/02/1996 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 2 |         |
| 115 | TD20241205  | Mạc Thanh Trúc Mai  | 07/11/2001 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 2 |         |
| 116 | TD20243293  | Lê Thị Tuyết Kiều   | 27/04/1999 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 2 |         |
| 117 | TD20243317  | Nguyễn Văn Nghĩa    | 10/05/2002 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 2 |         |
| 118 | TD20244338  | Trần Thị Hồng Nhung | 08/07/1997 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 2 |         |
| 119 | TD2024107   | Huỳnh Minh Đạt      | 20/08/1999 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 2 |         |
| 120 | TD2024940   | Nguyễn Đức Huệ      | 10/03/1995 | Nam       | Giáo viên Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Quốc Phòng 2 |         |
| 121 | TD202476    | Nguyễn Duy Thành    | 10/05/1992 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 1       |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                         | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 122 | TD2024121   | Nguyễn Đức Anh       | 13/03/1995 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 1    |         |
| 123 | TD2024122   | Phạm Hữu Diện        | 24/07/2001 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 1    |         |
| 124 | TD2024173   | Nguyễn Minh Vũ       | 04/10/1990 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 1    |         |
| 125 | TD2024219   | Nguyễn Ngọc Pháp     | 30/11/1994 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 1    |         |
| 126 | TD2024226   | Trịnh Vũ Nhật Minh   | 05/10/1988 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 1    |         |
| 127 | TD2024241   | Nguyễn Trần Thanh Vũ | 20/10/1995 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 1    |         |
| 128 | TD2024261   | Trần Hoàng Anh       | 24/05/1986 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 2    |         |
| 129 | TD2024302   | Huỳnh Phương Tài     | 18/08/2001 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 2    |         |
| 130 | TD2024429   | Trần Tấn Trường      | 14/04/2000 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 2    |         |
| 131 | TD2024496   | Nguyễn Minh Tiến     | 05/05/1996 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 2    |         |
| 132 | TD2024567   | Nguyễn Trung Hiếu    | 11/04/2000 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 2    |         |
| 133 | TD2024709   | Nguyễn Thương Tính   | 22/01/1994 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 2    |         |
| 134 | TD2024844   | Phan Gia Bảo         | 05/10/2002 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | GDTC 2    |         |
| 135 | TD20241027  | La Mạnh Triết        | 31/12/2001 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 1    |         |
| 136 | TD20241118  | Lục Phạm Minh Phương | 12/08/1993 | Nữ        | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 1    |         |
| 137 | TD20241136  | Lê Hoàng Tiến        | 01/04/1988 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 1    |         |
| 138 | TD20241165  | Tô Minh Vũ           | 05/04/1995 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 1    |         |
| 139 | TD20241214  | Châu Văn Thành       | 13/04/1995 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 1    |         |
| 140 | TD20243279  | Trần Đại             | 04/09/1985 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 1    |         |
| 141 | TD20243292  | Huỳnh Gia Quý        | 22/04/2000 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 2    |         |
| 142 | TD20244361  | Dương Hữu Phúc       | 01/12/1999 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 2    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                         | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 143 | TD20244394  | Trần Quốc Khánh         | 10/06/1987 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 2    |         |
| 144 | TD2024130   | Trương Chí Tâm          | 14/05/1990 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 2    |         |
| 145 | TD2024837   | Đặng Thái Sinh          | 08/05/1988 | Nam       | Giáo viên Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | GDTC 2    |         |
| 146 | TD202450    | Lê Chí Hiên Đạt         | 05/12/1998 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 147 | TD202458    | Nguyễn Thị Thu Thương   | 16/10/1997 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 148 | TD2024114   | Trần Trí Hùng           | 07/03/2001 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 149 | TD2024123   | Nguyễn Phi Hùng         | 12/04/2002 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 150 | TD2024140   | Nguyễn Ngô Anh Tuấn     | 23/11/1997 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 151 | TD2024179   | Phan Minh Thắng         | 16/11/2000 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 152 | TD2024192   | Vũ Phương Linh          | 15/06/2000 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 153 | TD2024196   | Nguyễn Thị Nhã Hòa      | 18/08/2000 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 154 | TD2024215   | Nguyễn Thanh Thọ        | 06/06/1995 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 155 | TD2024223   | Thềm Hoàng Sơn          | 25/04/1993 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 156 | TD2024237   | Trần Nguyễn Hoàng Vương | 20/02/1996 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 157 | TD2024257   | Nguyễn Thị Linh Ngân    | 20/11/1998 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 158 | TD2024266   | Lê Hoàng Vũ             | 08/12/1991 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 159 | TD2024319   | Bùi Nguyễn Ngọc Hà      | 14/06/1997 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 160 | TD2024331   | Nguyễn Hồng Huynh       | 01/04/1994 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 161 | TD2024354   | Khiếu Mạnh Cường        | 11/09/1991 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 162 | TD2024359   | Phạm Thị Ngân           | 02/07/1991 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 163 | TD2024401   | Nguyễn Thị Bích Phương  | 28/05/1997 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)           |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 164 | TD2024423   | Đinh Mai Thụy        | 15/08/1993 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 165 | TD2024435   | Nguyễn Thị Phúc      | 29/12/1981 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 166 | TD2024514   | Nguyễn Văn Tân       | 09/09/1983 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 167 | TD2024534   | Nguyễn Thu Hoàng Mai | 05/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 168 | TD2024542   | Châu Hữu Trí         | 20/03/1999 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 169 | TD2024543   | Bùi Vũ Tài           | 07/02/2000 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 170 | TD2024553   | Phan Hà Thu Hiền     | 29/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 171 | TD2024565   | Trần Minh Hậu        | 27/01/1998 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 172 | TD2024584   | Võ Hồ Minh Đức       | 17/09/2002 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 173 | TD2024587   | Hồ Nguyễn Hoàng Phúc | 03/11/2002 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 174 | TD2024602   | Thái Thanh Trúc      | 09/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 175 | TD2024633   | Phạm Thúy Ngọc       | 03/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 176 | TD2024636   | Ka Hường             | 13/11/1989 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 1     |         |
| 177 | TD2024639   | Nguyễn Quốc Thắng    | 21/11/2001 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 1     |         |
| 178 | TD2024642   | Hàng Thị Anh Hưng    | 10/06/1991 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 1     |         |
| 179 | TD2024649   | Phan Văn Phổ         | 28/09/1992 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 1     |         |
| 180 | TD2024657   | Lê Tấn Pháp          | 01/06/1998 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 1     |         |
| 181 | TD2024691   | Trần Thị Bảo Quỳnh   | 02/04/1993 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 1     |         |
| 182 | TD2024695   | Đặng Công Minh       | 02/11/1997 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 1     |         |
| 183 | TD2024698   | Trần Nguyễn Hà Trang | 12/11/1998 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 2     |         |
| 184 | TD2024700   | Vương Thanh Toàn     | 01/12/1988 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 2     |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 185 | TD2024714   | Nguyễn Thị Diễm My   | 25/03/1997 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 2     |         |
| 186 | TD2024728   | Lê Trung Hải         | 01/01/1985 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 2     |         |
| 187 | TD2024749   | Hồ Diễm Phương Quyên | 03/08/2000 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 2     |         |
| 188 | TD2024770   | Đỗ Anh Khuê          | 02/11/1992 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 2     |         |
| 189 | TD2024789   | Phan Minh Tấn        | 24/01/1999 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 2     |         |
| 190 | TD2024809   | Hoàng Thị Thu        | 02/09/1983 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 3     |         |
| 191 | TD2024813   | Hồ Thị Thu Hà        | 01/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 3     |         |
| 192 | TD2024818   | Hà Phúc Thiên Ngân   | 13/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 3     |         |
| 193 | TD2024822   | Trần Huỳnh Bảo Trân  | 04/05/2001 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 3     |         |
| 194 | TD2024825   | Trần Minh Thuận      | 11/04/2002 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 3     |         |
| 195 | TD2024836   | Lê Mỹ Lam Thuyên     | 27/07/1996 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 3     |         |
| 196 | TD2024858   | Nguyễn Huỳnh Như     | 08/01/2001 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 3     |         |
| 197 | TD2024879   | Phạm Thị Thu         | 01/08/1992 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 4     |         |
| 198 | TD2024888   | Tạ Minh Thư          | 25/10/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 4     |         |
| 199 | TD2024900   | Phạm Thị Mai Lan     | 19/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 4     |         |
| 200 | TD2024909   | Nguyễn Minh Phương   | 06/08/2002 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 4     |         |
| 201 | TD2024926   | Nguyễn Hoàng Duy     | 03/02/2001 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 4     |         |
| 202 | TD2024935   | Nguyễn Đăng Khoa     | 17/10/1985 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 4     |         |
| 203 | TD2024956   | Đinh Hoàng Ngọc Hưng | 18/05/1994 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 4     |         |
| 204 | TD2024965   | Châu Văn Nghĩa       | 24/08/2001 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 5     |         |
| 205 | TD2024999   | Bùi Thị Phương Ngân  | 17/02/2001 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 5     |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 206 | TD20241068  | Nguyễn Thế Nam          | 20/02/1998 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 5     |         |
| 207 | TD20241095  | Nguyễn Yến Vy           | 28/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 5     |         |
| 208 | TD20241105  | Nguyễn Thị Kiều Anh     | 07/02/1991 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 5     |         |
| 209 | TD20241106  | Nguyễn Thị Mộng Tiên    | 17/04/2000 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 5     |         |
| 210 | TD20241110  | Lê Thị Mỹ Quyên         | 07/05/1995 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Hóa 5     |         |
| 211 | TD20241114  | Lê Tuấn Kiệt            | 07/06/2002 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 212 | TD20241135  | Nguyễn Hoàng Phương     | 09/01/1999 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 213 | TD20241158  | Châu Tấn Lộc            | 26/09/2001 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 214 | TD20241163  | Trịnh Thanh Ngoan       | 09/08/1994 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 215 | TD20241174  | Trương Nguyễn Thanh Lam | 01/08/2000 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 216 | TD20241180  | Nguyễn Hoàng Minh       | 10/07/1997 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 217 | TD20241181  | Huỳnh Khắc Huy          | 27/05/1981 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 1     |         |
| 218 | TD20241182  | Lê Nguyên               | 01/05/1996 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 219 | TD20241210  | Nguyễn Đình Minh Tú     | 10/06/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 220 | TD20241212  | Trần Lê Duy An          | 25/08/2002 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 221 | TD20241227  | Huỳnh Thị Diễm Phượng   | 20/02/1997 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 222 | TD20242216  | Nguyễn Thị Minh Phượng  | 22/11/1999 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 223 | TD20242221  | Nguyễn Vũ Vịnh          | 01/01/1989 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 224 | TD20242235  | Nguyễn Thị Như Huyền    | 02/07/1997 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 2     |         |
| 225 | TD20242247  | Huỳnh Cẩm Nhung         | 09/09/1995 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 226 | TD20242251  | Phùng Văn Tiệu          | 22/12/1993 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 227 | TD20242253  | Nguyễn Thái Ngân       | 19/08/1985 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 228 | TD20243311  | Phạm Trí Nhân          | 26/12/2001 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 229 | TD20243320  | Nguyễn Thế Hải         | 13/12/2001 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 230 | TD20244324  | Nguyễn Thị Hà          | 02/07/1994 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 231 | TD20244327  | Phùng Thị Diệu Huyền   | 26/07/1990 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 3     |         |
| 232 | TD20244334  | Phạm Ngọc Quốc Anh     | 12/08/2002 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 233 | TD20244342  | Nguyễn Thị Phương Linh | 12/01/1996 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 234 | TD20244343  | Huỳnh Như Ngọc         | 25/03/1997 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 235 | TD20244372  | Nguyễn Tiến Đạt        | 06/04/1992 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 236 | TD20245401  | Phạm Minh Thư          | 19/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 237 | TD20245409  | Nguyễn Thôi            | 30/10/1987 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 4     |         |
| 238 | TD20245431  | Lê Thị Hạnh Dung       | 06/12/1992 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 239 | TD20241059  | Nguyễn Viết Dũng       | 20/07/1993 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 240 | TD2024687   | Nguyễn Thành Phần      | 12/10/1999 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 241 | TD2024788   | Nguyễn Mạnh Đức        | 18/07/1996 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 242 | TD2024881   | Phạm Thị Oanh          | 10/10/1997 | Nữ        | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 243 | TD2024964   | Hà Phước Phú Cường     | 17/02/1998 | Nam       | Giáo viên Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Hóa 5     |         |
| 244 | TD202413    | Phạm Dương Huệ Lan     | 13/06/2000 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 245 | TD202415    | Trần Ka Ni             | 02/04/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 246 | TD202417    | Trần Hoài Tuyết Như    | 06/01/2001 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 247 | TD202444    | Huỳnh Tiến Dũng        | 21/11/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 248 | TD202466    | Phạm Nhật Tấn         | 29/06/1997 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 249 | TD202473    | Ngô Thị Ánh Tuyết     | 21/05/1988 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 250 | TD202480    | Bùi Thị Nga           | 16/06/1985 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 251 | TD202483    | Đào Lê Thanh Hoàng    | 28/06/1993 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 252 | TD202485    | Nguyễn Thị Bích Hằng  | 01/03/1980 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 253 | TD202489    | Lý Công Thành         | 24/11/2001 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 254 | TD2024110   | Trần Thị Ánh Nguyệt   | 30/03/1981 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 255 | TD2024143   | Phạm Văn Trường       | 20/01/1984 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 256 | TD2024147   | Nguyễn Hà Vy          | 21/03/2000 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 257 | TD2024161   | Khổng Phạm Thái Quang | 30/06/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 258 | TD2024175   | Lương Thị Bình        | 14/08/1998 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 259 | TD2024195   | Đinh Phối Phối        | 19/11/2000 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 260 | TD2024222   | Lâm Tấn Lợi           | 17/11/1998 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 261 | TD2024225   | Lê Thị Hồng Minh      | 01/06/1989 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 262 | TD2024296   | Cao Thị Oanh          | 12/06/2001 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 263 | TD2024305   | Lê Trọng Phát         | 17/09/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 264 | TD2024328   | Nguyễn Thị Hiếu       | 20/08/1988 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 265 | TD2024353   | Lê Thị Hoàng An       | 26/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 266 | TD2024366   | Nguyễn Trí Thuận      | 28/01/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 267 | TD2024427   | Nguyễn Ngọc Quỳnh Như | 03/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 268 | TD2024471   | Vũ Tiến Cường         | 11/10/1995 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 1      |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 269 | TD2024552   | Đỗ Nguyễn Thành Nam     | 17/04/1999 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 1      |         |
| 270 | TD2024589   | Nguyễn Thảo Nguyên      | 02/12/1997 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 1      |         |
| 271 | TD2024625   | Nguyễn Văn Hoài Nhựt    | 28/06/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 1      |         |
| 272 | TD2024637   | Trần Thị Cẩm Vân        | 20/10/1997 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 1      |         |
| 273 | TD2024650   | Lý Bảo Châu             | 29/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 1      |         |
| 274 | TD2024707   | Nguyễn Chính Huy        | 18/03/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 1      |         |
| 275 | TD2024711   | Trần Thanh Ấm           | 04/12/1996 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 2      |         |
| 276 | TD2024723   | Trần Thanh Vinh         | 03/11/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 2      |         |
| 277 | TD2024725   | Bùi Hoàng Kim Loan      | 15/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 2      |         |
| 278 | TD2024731   | Văn Hồng Linh           | 20/02/1991 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 2      |         |
| 279 | TD2024755   | Nguyễn Trường Vĩ        | 18/10/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 2      |         |
| 280 | TD2024762   | Nguyễn Phước Khôi       | 03/11/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 2      |         |
| 281 | TD2024764   | Ấu Thị Hiền             | 19/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 2      |         |
| 282 | TD2024795   | Hoàng Văn Thành         | 07/07/1984 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 3      |         |
| 283 | TD2024814   | Trần Nguyễn Thảo Nguyên | 18/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 3      |         |
| 284 | TD2024819   | Huỳnh Thị Diễm          | 09/03/1996 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 3      |         |
| 285 | TD2024824   | Phạm Thị Hồng Nhung     | 03/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 3      |         |
| 286 | TD2024876   | Bùi Khánh Hạ            | 01/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 3      |         |
| 287 | TD2024887   | Bùi Thị Nụ              | 12/02/1991 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 3      |         |
| 288 | TD2024891   | Trần Hậu Toàn           | 01/05/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 3      |         |
| 289 | TD2024907   | Nguyễn Chí Thành        | 01/04/2001 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 4      |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 290 | TD2024924   | Nguyễn Hoàng Minh    | 25/10/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 4      |         |
| 291 | TD2024931   | Nguyễn Thị Hiền      | 11/11/1994 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 4      |         |
| 292 | TD2024992   | Bùi Thị Nhật Huyền   | 16/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 4      |         |
| 293 | TD20241045  | Phạm Văn Kiệt        | 15/03/1997 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 4      |         |
| 294 | TD20241062  | Trương Thị Tuyết Nhi | 16/01/2000 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 4      |         |
| 295 | TD20241067  | Dương Thanh Nhân     | 01/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sử 4      |         |
| 296 | TD20241082  | Lê Thị Ngọc Hương    | 24/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 297 | TD20241083  | Nguyễn Trường Giang  | 07/07/1996 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 298 | TD20241104  | Nguyễn Thị Ngọc Chi  | 26/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 299 | TD20241201  | Bùi Nguyệt Diễm Châu | 11/08/1997 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 300 | TD20241203  | Nguyễn Như Ngọc      | 01/06/1999 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 301 | TD20242242  | Lâm Tiến Cường       | 28/09/2001 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 1      |         |
| 302 | TD20243249  | Mạch Mỹ San          | 14/07/1999 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 303 | TD20243259  | Huỳnh Phúc Tâm       | 01/08/2000 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 304 | TD20243273  | Trần Ái Thanh        | 18/07/1999 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 305 | TD20243291  | Bùi Hạnh Nguyên      | 04/12/2001 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 306 | TD20243305  | Tạ Thị Cẩm Ngân      | 07/06/2000 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 307 | TD20243313  | Võ Thị Kim Hồng      | 14/09/1990 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 2      |         |
| 308 | TD20243326  | Nguyễn Thị Hiền      | 28/09/1998 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 309 | TD20244337  | Phạm Thị Luấn        | 26/12/1989 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 310 | TD20244358  | Thọ Thị My Như       | 26/07/1993 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 311 | TD20244397  | Trần Thanh Trúc Linh  | 10/05/1996 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 312 | TD20245412  | Phạm Thị Oanh         | 19/07/1993 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 313 | TD20245425  | Bùi Văn Quyết         | 07/07/2002 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 3      |         |
| 314 | TD2024289   | Nguyễn Thị Thu Hằng   | 12/10/1990 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 315 | TD2024497   | Lê Phúc Đăng          | 29/03/2000 | Nam       | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 316 | TD2024708   | Nguyễn Thị Diễm My    | 25/01/1993 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 317 | TD2024733   | Nguyễn Thị Cẩm Vân    | 19/04/1997 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 318 | TD2024863   | Lê Thị Tuyền          | 10/02/1995 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 319 | TD2024918   | Vũ Thị Thu            | 28/07/1989 | Nữ        | Giáo viên Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Sử 4      |         |
| 320 | TD202464    | Nguyễn Hoàng Tuấn     | 27/10/1994 | Nam       | Giáo viên Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Mỹ thuật  |         |
| 321 | TD2024139   | Nguyễn Quốc Hùng      | 04/08/1984 | Nam       | Giáo viên Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Mỹ thuật  |         |
| 322 | TD2024350   | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 31/12/1979 | Nữ        | Giáo viên Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Mỹ thuật  |         |
| 323 | TD20249     | Lê Thị Huệ            | 12/07/1997 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 324 | TD2024133   | Mai Hoàng Phú         | 04/02/1997 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 325 | TD2024171   | Trương Hiền Thương    | 23/06/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 326 | TD2024180   | Nguyễn Huyền Trang    | 11/01/1998 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 327 | TD2024200   | Nguyễn Trần Cẩm Anh   | 07/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 328 | TD2024204   | Hồ Thị Tuyền          | 18/01/1988 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 329 | TD2024212   | Phạm Văn Kiệt         | 28/09/1991 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 330 | TD2024229   | Vũ Tín Trung          | 20/11/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 331 | TD2024235   | Lê Nguyễn I Pha       | 10/03/1995 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 332 | TD2024253   | Trần Hồng Hạnh        | 20/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 333 | TD2024271   | Triệu Ánh Tuyết       | 13/05/2001 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 334 | TD2024277   | Nguyễn Linh Hoàng Vy  | 19/05/1994 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 335 | TD2024298   | Nguyễn Thị Hương      | 12/06/1996 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 336 | TD2024299   | Trần Ngọc Phương Nhi  | 03/07/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 337 | TD2024300   | Phạm Quang Khải       | 19/09/2000 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 338 | TD2024304   | Nguyễn Quang Đức      | 19/09/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 339 | TD2024311   | Châu Thị Đỗ Quyên     | 12/02/1997 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 340 | TD2024339   | Võ Thị Hồng Diệp      | 30/01/1993 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 341 | TD2024390   | Nguyễn Thị Hoàng Muội | 20/08/2001 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 342 | TD2024403   | Đỗ Thị Thương         | 30/09/1990 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 343 | TD2024405   | Nguyễn Thị Thùy       | 24/04/1991 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 344 | TD2024425   | Phạm Thị Thu Thùy     | 12/10/1998 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 345 | TD2024451   | Lý Thị Thanh Thảo     | 15/02/1996 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 346 | TD2024456   | Nguyễn Thị Hồng Vui   | 14/05/1996 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 347 | TD2024459   | Nguyễn Thiện Đức      | 25/10/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 348 | TD2024462   | Châu Kim Ngân         | 30/12/1996 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 349 | TD2024466   | Trịnh Võ Khánh Nguyên | 02/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 350 | TD2024470   | Huỳnh Tuấn Phát       | 11/10/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 351 | TD2024485   | Trần Khôi Nguyên      | 12/06/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 1     |         |
| 352 | TD2024486   | Trần An Dân Tài       | 25/03/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 1     |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 353 | TD2024490   | Mai Thanh Tiến          | 08/01/2001 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 1     |         |
| 354 | TD2024511   | Lê Thị Hồng Nhung       | 20/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 1     |         |
| 355 | TD2024516   | Nguyễn Văn Hạnh         | 16/06/1994 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 1     |         |
| 356 | TD2024520   | Lê Thị Thu Phương       | 24/08/1985 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 1     |         |
| 357 | TD2024535   | Phan Thị Lệ Thanh       | 05/04/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 1     |         |
| 358 | TD2024538   | Nguyễn Chí Nguyễn       | 08/12/1998 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 2     |         |
| 359 | TD2024571   | Nguyễn Thị Xuân Ngọc    | 10/03/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 2     |         |
| 360 | TD2024588   | Trần Thảo Ngọc          | 04/04/1996 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 2     |         |
| 361 | TD2024596   | Lý Thụy Hoàng Yến       | 22/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 2     |         |
| 362 | TD2024618   | Võ Thị Kiều Hương       | 26/03/1991 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 2     |         |
| 363 | TD2024629   | Trịnh Thị Hà Trang      | 25/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 2     |         |
| 364 | TD2024676   | Đỗ Ngọc Thanh Tâm       | 15/07/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 2     |         |
| 365 | TD2024735   | Nguyễn Cẩm Phú          | 01/06/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 3     |         |
| 366 | TD2024796   | Lâm Mỹ Ý                | 09/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 3     |         |
| 367 | TD2024810   | Lê Ngọc Trinh           | 17/02/1996 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 3     |         |
| 368 | TD2024865   | Lê Thị Thanh Kim Lộc    | 31/07/1993 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 3     |         |
| 369 | TD2024873   | Đoái Hoàng Đức          | 16/11/1995 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 3     |         |
| 370 | TD2024880   | Đinh Thị Quỳnh          | 12/01/2001 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 3     |         |
| 371 | TD2024892   | Đặng Nguyễn Minh Phương | 12/11/1999 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 3     |         |
| 372 | TD2024946   | Trần Kim Thoại          | 15/08/2001 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 4     |         |
| 373 | TD2024997   | Nguyễn Thị Thanh Duyên  | 16/04/1997 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 4     |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 374 | TD20241009  | Trịnh Nguyễn Hữu Văn  | 10/04/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 4     |         |
| 375 | TD20241015  | Nguyễn Khánh Ninh     | 20/11/2001 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 4     |         |
| 376 | TD20241024  | Phan Hiền Minh Đức    | 28/06/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 4     |         |
| 377 | TD20241025  | Ngô Nguyên Hưng       | 26/08/1997 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 4     |         |
| 378 | TD20241041  | Trần Thị Thu Thảo     | 28/02/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Văn 4     |         |
| 379 | TD20241107  | Thạch Ngọc Diễm Phúc  | 10/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 380 | TD20241109  | Lê Thị Kim Huệ        | 14/07/1997 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 381 | TD20241132  | Huỳnh Lê Tường Vy     | 15/06/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 382 | TD20241142  | Trương Văn Thông      | 06/08/1991 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 383 | TD20241183  | Nguyễn Ngọc Ly Ly     | 26/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 384 | TD20241196  | Nguyễn Tuấn Anh       | 23/02/2002 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 1     |         |
| 385 | TD20241208  | Nguyễn Thị Bảo Ngân   | 23/06/2001 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 386 | TD20242219  | Lê Thị Nguyệt Hồng    | 02/02/1989 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 387 | TD20242226  | Trịnh Nguyệt Y Phương | 05/11/2001 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 388 | TD20243250  | Lưu Thị Hòe           | 16/06/1998 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 389 | TD20243258  | Vô Thanh Tùng         | 13/12/1995 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 390 | TD20243277  | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 08/02/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 2     |         |
| 391 | TD20243281  | Nguyễn Tường Vi       | 12/04/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 392 | TD20243324  | Phan Duy Tấn          | 09/05/1994 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 393 | TD20244344  | Phạm Thị Oanh         | 01/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 394 | TD20244351  | Nguyễn Hữu Thiện      | 21/12/1999 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                   | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 395 | TD20244399  | Trần Ngọc Dạ Thủy        | 13/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 396 | TD20244402  | Huỳnh Nguyễn Bích Phượng | 07/12/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 3     |         |
| 397 | TD20244404  | Tô Hải Ngọc              | 22/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 398 | TD20244410  | Nguyễn Thị Yến Linh      | 26/02/2000 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 399 | TD20245399  | Nghiêm Thị Trang         | 01/05/1997 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 400 | TD20241050  | Nguyễn Thị Ngọc Dung     | 12/09/1990 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 401 | TD2024310   | Nguyễn Thị Kim Cúc       | 13/07/1993 | Nữ        | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 402 | TD202486    | Nguyễn Thế Bảo           | 03/09/1994 | Nam       | Giáo viên Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Văn 4     |         |
| 403 | TD202410    | Trần Thạch Lam           | 13/12/1996 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 1    |         |
| 404 | TD202423    | Nguyễn Tấn Phát          | 05/06/1999 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 1    |         |
| 405 | TD202475    | Văn Tiến Dũng            | 08/09/1995 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 1    |         |
| 406 | TD2024138   | Lê Thị Trinh             | 18/10/1996 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 1    |         |
| 407 | TD2024182   | Văn Thị Hồng Ngọc        | 08/06/1995 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 1    |         |
| 408 | TD2024239   | Nguyễn Thị Thanh Lộc     | 01/06/1999 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 1    |         |
| 409 | TD2024249   | Trần Đình Khánh Đăng     | 25/03/2001 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 1    |         |
| 410 | TD2024281   | Trần Bảo Xuyên           | 03/05/2002 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 2    |         |
| 411 | TD2024287   | Kiến Thị Mỹ Lệ           | 24/12/1988 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 2    |         |
| 412 | TD2024316   | Nguyễn Đỗ Xuân Nhi       | 24/06/2001 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 2    |         |
| 413 | TD2024349   | Đỗ Thị Tuyết Hoa         | 22/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 2    |         |
| 414 | TD2024444   | Mê Thị Thanh Kiều        | 16/02/1998 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 2    |         |
| 415 | TD2024473   | Nguyễn Hoàng Thạch Thảo  | 23/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 2    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 416 | TD2024483   | Nguyễn Thị Thanh Xuân   | 19/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 2    |         |
| 417 | TD2024499   | Trương Trí Huy          | 16/10/2002 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 3    |         |
| 418 | TD2024521   | Nguyễn Thị Thùy Dương   | 16/02/2001 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 3    |         |
| 419 | TD2024549   | Nguyễn Thị Quỳnh Diễm   | 03/01/1995 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 3    |         |
| 420 | TD2024674   | Nguyễn Ngọc Phương Linh | 01/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 3    |         |
| 421 | TD2024693   | Đặng Nguyễn Thủy Tiên   | 15/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 3    |         |
| 422 | TD2024697   | Âu Lê Thiên Thanh       | 11/01/1990 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 3    |         |
| 423 | TD2024727   | Nguyễn Ngọc Minh Trung  | 26/10/2002 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Sinh 3    |         |
| 424 | TD2024746   | Trần Ngọc Hồng          | 22/12/1986 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 1    |         |
| 425 | TD2024798   | Nguyễn Hà Như Mai       | 04/03/1996 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 1    |         |
| 426 | TD2024831   | Hà Đoàn Huy Tâm         | 15/04/1998 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 1    |         |
| 427 | TD2024853   | Phùng Anh Tài           | 26/06/1999 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 1    |         |
| 428 | TD2024866   | Lê Thị Minh Thương      | 03/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 1    |         |
| 429 | TD2024929   | Trần Thị Ngọc Ánh       | 28/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 1    |         |
| 430 | TD2024936   | Nguyễn Trà Mi           | 30/06/2001 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 1    |         |
| 431 | TD2024985   | Nguyễn Hoàng Nguyên     | 17/08/2002 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 1    |         |
| 432 | TD2024986   | Nguyễn Hữu Nghĩa        | 17/08/1999 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 2    |         |
| 433 | TD20241060  | Hồng Thị Mỹ Duyên       | 03/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 2    |         |
| 434 | TD20241071  | Nguyễn Lê Hoài Thương   | 20/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 2    |         |
| 435 | TD20241086  | Trần Thị Thanh          | 17/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 2    |         |
| 436 | TD20241149  | Lương Thị Thanh Thảo    | 27/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 2    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi   | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------|---------|
| 437 | TD20241207  | Phạm Nguyễn Yên Nhi    | 06/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 2      |         |
| 438 | TD20242222  | Lê Nguyễn Thanh Thảo   | 21/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 2      |         |
| 439 | TD20242224  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 26/04/2001 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 2      |         |
| 440 | TD20242249  | Bùi Thị Lan            | 20/11/2001 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 3      |         |
| 441 | TD20243336  | Võ Thị Thanh Xuân      | 06/04/2001 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 3      |         |
| 442 | TD20244333  | Dương Thị Minh Nguyệt  | 26/05/1997 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 3      |         |
| 443 | TD20244383  | Nguyễn Thị Diễm My     | 22/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 3      |         |
| 444 | TD20244395  | Đinh Thị Bích Thủy     | 18/11/1999 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 3      |         |
| 445 | TD2024527   | Bùi Thị Cẩm Tú         | 24/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 3      |         |
| 446 | TD2024851   | Võ Bích Nhật           | 29/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 3      |         |
| 447 | TD2024921   | Nguyễn Phan Khánh An   | 20/10/2002 | Nam       | Giáo viên Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Sinh 3      |         |
| 448 | TD202425    | Nguyễn Hồng Phúc       | 10/05/2000 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 449 | TD202438    | Lương Huỳnh Diễm Phúc  | 21/10/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 450 | TD202456    | Dương Hạnh Nguyên      | 27/11/1995 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 451 | TD202463    | Thái Huy Hoàng         | 12/02/2000 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 452 | TD202467    | Nguyễn Thị Phượng Liên | 07/05/1989 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 453 | TD202471    | Đỗ Mạnh Dũng           | 13/12/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 454 | TD202488    | Lê Trần Hồng Gấm       | 16/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 455 | TD202497    | Nguyễn Thị Sơn Chi     | 23/03/1991 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 456 | TD2024102   | Trần Phạm Phương Thảo  | 12/08/1999 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 457 | TD2024113   | Trần Minh Khánh        | 11/02/1999 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi   | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------|---------|
| 458 | TD2024117   | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | 30/10/1995 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 459 | TD2024128   | Nguyễn Mỹ Linh         | 16/03/1994 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 460 | TD2024131   | Hà Mỹ Linh             | 28/02/1994 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 461 | TD2024151   | Đỗ Thị Huyền           | 02/06/1987 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 462 | TD2024168   | Lý Anh Tuấn            | 15/12/1998 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 463 | TD2024190   | Lý Thị Hồng Trâm       | 24/01/1989 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 464 | TD2024201   | Phạm Nguyễn Đăng Khoa  | 21/10/1998 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 465 | TD2024208   | Nguyễn Phước Quỳnh Như | 13/08/1993 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 466 | TD2024217   | Bùi Phương Thảo        | 27/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 467 | TD2024221   | Nguyễn Văn Nhi         | 19/01/1978 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 468 | TD2024232   | Lâm Thanh              | 17/06/1992 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 469 | TD2024236   | Nguyễn Phương Ngân     | 06/05/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 470 | TD2024240   | Đặng Ngọc Tân          | 19/02/2000 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 471 | TD2024244   | Trần Nhật Quang        | 15/02/1995 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 472 | TD2024270   | Trần Thị Đức Minh      | 18/07/1995 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 473 | TD2024272   | Phan Thanh Lộc         | 31/03/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 474 | TD2024283   | Nguyễn Thị Thu Trang   | 10/12/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 475 | TD2024290   | Nguyễn Hằng My Đoàn    | 25/01/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 476 | TD2024320   | Hoàng Quế Phương       | 25/05/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 477 | TD2024321   | Trần Ái Mỹ             | 04/08/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 478 | TD2024329   | Hoàng Nguyễn Yến Nhi   | 05/04/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi   | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------|---------|
| 479 | TD2024335   | Vũ Thị Phương Linh    | 10/12/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 480 | TD2024377   | Trần Diễm Thy         | 05/04/1996 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 481 | TD2024381   | Nguyễn Như Như        | 23/09/1993 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 482 | TD2024384   | Nguyễn Tấn Minh Quang | 18/07/2000 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 483 | TD2024388   | Lý Nhật Hoàng         | 24/11/1994 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 484 | TD2024397   | Nhan Ngọc Phương Vy   | 13/06/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 485 | TD2024404   | Trần Huỳnh Thụy Anh   | 07/03/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 486 | TD2024411   | Huỳnh Trần Bảo Trâm   | 04/09/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 487 | TD2024415   | Huỳnh Thái Hà         | 20/08/1986 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 488 | TD2024422   | Đoàn Thị Bích Nga     | 09/05/1985 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 489 | TD2024439   | Nguyễn Thị Thanh Thúy | 20/10/1995 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 490 | TD2024450   | Lê Thị Thu Uyên       | 01/04/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 491 | TD2024452   | Lương Gia Huy         | 17/12/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 492 | TD2024453   | Nguyễn Thị Bích Thùy  | 01/04/1984 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 493 | TD2024454   | Nguyễn Thị Trúc Linh  | 26/01/1989 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 494 | TD2024458   | Trần Thị Hồng Hảo     | 18/09/1995 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 495 | TD2024468   | Lê Thị Diễm Trang     | 22/04/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 496 | TD2024482   | Nguyễn Tiến Sang      | 19/07/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 497 | TD2024491   | Nguyễn Thị Kim Ngân   | 15/02/1999 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 1 |         |
| 498 | TD2024522   | Nguyễn Trần Hoàng Anh | 05/07/1989 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 1 |         |
| 499 | TD2024525   | Trương Lê Khánh Dương | 06/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 1 |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi   | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------|---------|
| 500 | TD2024528   | Ngô Thị Kiều Anh     | 11/10/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 1 |         |
| 501 | TD2024536   | Trần Thị Kim Tuyết   | 20/11/1992 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 1 |         |
| 502 | TD2024537   | Trần Thị Hồng Nhung  | 11/09/1996 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 1 |         |
| 503 | TD2024546   | Nguyễn Thị Hồng Cúc  | 16/05/1992 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 1 |         |
| 504 | TD2024548   | Lê Thu Thủy          | 30/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 2 |         |
| 505 | TD2024554   | Cao Ngọc Phương Uyên | 05/09/1996 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 2 |         |
| 506 | TD2024562   | Nguyễn Thị Tân Bình  | 07/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 2 |         |
| 507 | TD2024568   | Hồ Anh Đào           | 02/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 2 |         |
| 508 | TD2024580   | Đỗ Bùi Thanh Thúy    | 07/01/1998 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 2 |         |
| 509 | TD2024606   | Trương Thành Nguyên  | 15/04/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 2 |         |
| 510 | TD2024614   | Dương Gia Huy        | 10/11/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 2 |         |
| 511 | TD2024615   | Phạm Ngọc Hoàng Viên | 03/10/1999 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 3 |         |
| 512 | TD2024622   | Bùi Hiếu Toàn        | 15/10/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 3 |         |
| 513 | TD2024647   | Vũ Trần Thùy Tiên    | 04/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 3 |         |
| 514 | TD2024654   | Nguyễn Ngọc Thảo     | 24/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 3 |         |
| 515 | TD2024655   | Hứa Đức Thiện        | 19/11/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 3 |         |
| 516 | TD2024666   | Hứa Kim Lân          | 24/02/1997 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 3 |         |
| 517 | TD2024668   | Nguyễn Viết Tín      | 22/09/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 3 |         |
| 518 | TD2024696   | Phạm Kim Tuyền       | 19/04/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 4 |         |
| 519 | TD2024699   | Hoàng Tuấn Anh       | 09/03/1999 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 4 |         |
| 520 | TD2024705   | Đinh Thị Huyền Diệu  | 17/10/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 4 |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi   | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------|---------|
| 521 | TD2024710   | Tôn Thọ Luân           | 12/12/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 4 |         |
| 522 | TD2024712   | Phan Nguyễn Thùy Vân   | 30/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 4 |         |
| 523 | TD2024716   | Lê Minh Quân           | 31/01/2000 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 4 |         |
| 524 | TD2024737   | Trương Tuấn Khang      | 19/01/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 4 |         |
| 525 | TD2024738   | Võ Nhật Khang Ninh     | 04/08/1998 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 5 |         |
| 526 | TD2024753   | Nguyễn Thị Ngọc Hải    | 23/04/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 5 |         |
| 527 | TD2024756   | Phan Thị Thái Hà       | 25/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 5 |         |
| 528 | TD2024776   | Nguyễn Thành Công      | 20/06/1999 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 5 |         |
| 529 | TD2024781   | Lê Thủy Tiên           | 02/01/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 5 |         |
| 530 | TD2024786   | Trần Nguyễn Thanh Tú   | 29/08/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 5 |         |
| 531 | TD2024815   | Nguyễn Thị Mỹ Ngân     | 16/10/1996 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 5 |         |
| 532 | TD2024816   | Phạm Phúc Khang        | 21/04/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 6 |         |
| 533 | TD2024826   | Nguyễn Xuân Minh Hải   | 21/07/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 6 |         |
| 534 | TD2024827   | Trần Ngọc Diễm Quỳnh   | 05/06/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 6 |         |
| 535 | TD2024886   | Lê Tấn Tài             | 09/05/1999 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 6 |         |
| 536 | TD2024894   | Trần Thị Chu Phượng    | 30/09/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 6 |         |
| 537 | TD2024899   | Bùi Thị Khánh Hoà      | 01/12/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 6 |         |
| 538 | TD2024913   | Trần Huỳnh Thảo Nguyên | 25/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 6 |         |
| 539 | TD2024915   | Trần Thị Yến Nhi       | 02/05/1990 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 7 |         |
| 540 | TD2024971   | Võ Kim Vành Khuyên     | 27/04/1995 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 7 |         |
| 541 | TD2024978   | Phạm Thái Quỳnh        | 12/03/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 7 |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                    | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi   | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------|---------|
| 542 | TD2024982   | Vĩnh Huyền Huyền Thảo Như | 31/12/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 7 |         |
| 543 | TD2024989   | Lê Phạm Khánh Linh        | 22/06/1998 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 7 |         |
| 544 | TD20241030  | Nguyễn Tài Thông          | 06/10/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 7 |         |
| 545 | TD20241033  | Nguyễn Thị Hồng Liên      | 08/02/1998 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tiếng Anh 7 |         |
| 546 | TD20241052  | Nguyễn Thanh Xuân         | 02/01/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 547 | TD20241053  | Phạm Nguyễn Kiều Trang    | 05/06/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 548 | TD20241061  | Nguyễn Lê Ngọc Hiền       | 20/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 549 | TD20241072  | Nguyễn Yến Nhi            | 20/07/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 550 | TD20241074  | Nguyễn Minh Thanh Tùng    | 04/06/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 551 | TD20241094  | Phan Nguyễn Ngọc Anh      | 07/12/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 552 | TD20241096  | Nguyễn Thị Hạnh Hằng      | 27/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 553 | TD20241130  | Nguyễn Hồng Vân           | 10/03/1993 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 1 |         |
| 554 | TD20241139  | Ngô Minh Thuyết           | 11/09/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 555 | TD20241162  | Nguyễn Hiền Phương Thảo   | 28/05/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 556 | TD20241176  | Nguyễn Huy Loan Anh       | 17/07/1999 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 557 | TD20241179  | Trần Thị Kim Lý           | 28/12/1996 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 558 | TD20241186  | Nguyễn Ngọc Linh          | 19/10/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 559 | TD20241194  | Liên Mỹ Mỹ                | 14/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 560 | TD20241219  | Đặng Nhứt Hiếu Bình       | 22/10/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 561 | TD20242212  | Nguyễn Quế Hương          | 17/11/1998 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 2 |         |
| 562 | TD20242217  | Nguyễn Thị Ngọc Tiền      | 25/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi   | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------|---------|
| 563 | TD20242236  | Võ Đỗ Mai Thy           | 26/07/1985 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 564 | TD20242239  | Nguyễn Vĩ Ngọc Trâm     | 19/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 565 | TD20242240  | Nguyễn Thị Ánh Tuyết    | 24/11/1994 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 566 | TD20242243  | Hoàng Hải Yến           | 29/03/1990 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 567 | TD20242244  | Lê Hồng Ngọc            | 14/03/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 568 | TD20243260  | Lê Nguyễn Trúc An       | 26/12/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 569 | TD20243269  | Dương Thị Hồng Thu      | 09/05/1999 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 3 |         |
| 570 | TD20243274  | Nguyễn An Phương Duyên  | 23/10/1997 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 571 | TD20243275  | Nguyễn Hoàng Lâm Phương | 10/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 572 | TD20243276  | Nguyễn Thành Thông      | 19/07/2001 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 573 | TD20243294  | Trương Thị Thuý Hạnh    | 08/11/1987 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 574 | TD20243300  | Vũ Thị Hiền             | 26/07/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 575 | TD20243304  | Nguyễn Lê Lam Giang     | 27/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 576 | TD20243325  | Phùng Yến Phương        | 28/06/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 577 | TD20243327  | Nguyễn Khả Vi           | 09/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 4 |         |
| 578 | TD20243332  | Nguyễn Thị Hoài Thương  | 20/10/1995 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 579 | TD20243335  | Lê Đặng Thúy Vy         | 15/05/1999 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 580 | TD20243337  | Huỳnh Ngọc Lâm Viên     | 09/12/2001 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 581 | TD20244331  | Trần Tuấn Quang         | 12/03/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 582 | TD20244336  | Hoàng Thị Kim Dung      | 11/10/1992 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 583 | TD20244339  | Tổng Hiểu Nghi          | 27/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                   | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi   | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------|---------|
| 584 | TD20244347  | Huỳnh Nguyễn Nhật Nam | 27/09/2000 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 5 |         |
| 585 | TD20244350  | Hoàng Thế Bảo         | 21/01/1997 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   | 3                              | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 586 | TD20244364  | Nguyễn Vũ Anh Thuyên  | 05/01/2002 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 587 | TD20244368  | Võ Phương Khánh       | 09/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 588 | TD20244376  | Lê Khánh Hòa          | 17/01/2000 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 589 | TD20244380  | Đỗ Thanh Hải          | 04/08/1984 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 590 | TD20244381  | Võ Đại Minh Huy       | 06/11/1997 | Nam       | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 591 | TD20244385  | Võ Thị Nhã Trang      | 19/10/1992 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 6 |         |
| 592 | TD20244398  | Đặng Thị Thủy Tiên    | 19/08/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 593 | TD20245420  | Lê Ngọc Quỳnh Uyển    | 12/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 594 | TD20245422  | Phạm Đặng Diễm Quỳnh  | 28/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 595 | TD20241005  | Lê Thị Lan Hương      | 28/07/1998 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 596 | TD20241028  | Nguyễn Thu Hà         | 28/04/1994 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 597 | TD2024487   | Lê Thị Tường Vy       | 08/03/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 598 | TD2024920   | Nguyễn Lưu Hải Tâm    | 07/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Tiếng Anh 7 |         |
| 599 | TD2024150   | Hà Nam Khánh Giao     | 03/12/1996 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Pháp  |         |
| 600 | TD2024436   | Phạm Lê Thuý An       | 30/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Trung (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Trung |         |
| 601 | TD2024692   | Võ Thị Mỹ Hạnh        | 25/02/2000 | Nữ        | Giáo viên Tiếng Trung (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tiếng Trung |         |
| 602 | TD202469    | Phạm Thị Minh Trâm    | 19/11/1994 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 1       |         |
| 603 | TD2024109   | Nguyễn Thị Thu Hồng   | 24/04/1983 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 1       |         |
| 604 | TD2024145   | Huỳnh Hoàng Ngân      | 23/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 1       |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 605 | TD2024152   | Phạm Viết Thông      | 18/11/1999 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 1     |         |
| 606 | TD2024284   | Đỗ Thái Minh Nhựt    | 08/10/2001 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 1     |         |
| 607 | TD2024367   | Tăng Ngọc Phụng      | 12/06/2002 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 2     |         |
| 608 | TD2024506   | Kim Vĩnh Anh Khoa    | 28/06/1991 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 2     |         |
| 609 | TD2024715   | Phan Thị Tài         | 20/06/1983 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 2     |         |
| 610 | TD2024840   | Vũ Văn Công          | 19/11/1993 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  | 3                              | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 2     |         |
| 611 | TD2024849   | Hồ Thị Thanh Nhãn    | 08/12/1992 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Tin 2     |         |
| 612 | TD2024959   | Trần Võ Khôi Nguyên  | 29/07/2002 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 1     |         |
| 613 | TD2024969   | Hứa Thành Nhân       | 25/02/2002 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 1     |         |
| 614 | TD20241057  | Nguyễn Thái Thơm     | 25/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 1     |         |
| 615 | TD20241089  | Hồ Thị Thanh Thủy    | 06/09/1987 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 1     |         |
| 616 | TD20241209  | Nguyễn Thanh Hải     | 02/08/1988 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 1     |         |
| 617 | TD20242229  | Tạ Quang Đạt         | 22/08/1996 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  | 3                              | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 1     |         |
| 618 | TD20242248  | Lê Duy Hào           | 30/04/1995 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 2     |         |
| 619 | TD20243282  | Tô Thị Vân Anh       | 17/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 2     |         |
| 620 | TD20243314  | Lê Thị Kim Dung      | 02/09/1983 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 2     |         |
| 621 | TD20245430  | Nguyễn Thị Thùy Linh | 12/11/2001 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 2     |         |
| 622 | TD2024333   | Trần Hoàng Tú Anh    | 06/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 2     |         |
| 623 | TD2024356   | Trần Thịnh           | 20/11/1999 | Nam       | Giáo viên Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Tin 2     |         |
| 624 | TD20246     | Ngô Vinh Phú         | 22/10/1995 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 625 | TD20247     | Nguyễn Minh Thiện    | 26/02/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 626 | TD202452    | Trần Văn Quốc          | 20/02/1991 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 627 | TD202454    | Lê Nguyễn Xuân Anh     | 01/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 628 | TD202455    | Nguyễn Đình Hiếu       | 08/11/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 629 | TD202482    | Trần Minh Đức          | 02/02/1992 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 630 | TD202491    | Lê Văn Mạnh            | 17/05/1991 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 631 | TD2024105   | Nguyễn Minh Tường      | 19/09/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 632 | TD2024111   | Nguyễn Kiều Anh        | 16/09/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 633 | TD2024120   | Phan Thị Thúy          | 21/09/1995 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 634 | TD2024125   | Nguyễn Xuân Tính       | 07/12/1979 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 635 | TD2024144   | Đoàn Đình Đạm          | 14/10/1995 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 636 | TD2024153   | Giang Huệ Phương       | 10/10/1999 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 637 | TD2024155   | Lê Mẫn Nhi             | 31/03/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 638 | TD2024158   | Nguyễn Mai Tú Như      | 14/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 639 | TD2024163   | Nguyễn Hoàng Anh       | 07/10/1995 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 640 | TD2024181   | Nguyễn Quốc Vinh Quang | 18/10/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 641 | TD2024183   | Nguyễn Kiều Vy         | 18/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 642 | TD2024193   | Lý Chí Cường           | 14/12/1989 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 643 | TD2024203   | Trương Minh Thắng      | 17/09/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 644 | TD2024213   | Lý Ngọc Vy             | 21/11/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 645 | TD2024242   | Nguyễn Văn Lộc         | 06/06/1996 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 646 | TD2024252   | Trần Nguyễn Vĩnh Nghi  | 21/10/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 647 | TD2024285   | Dương Nguyễn Yên Khoa  | 04/10/1998 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 648 | TD2024286   | Kha Tấn Hỷ             | 12/08/1996 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 649 | TD2024301   | Nguyễn Thị Kim Khánh   | 01/04/1998 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 650 | TD2024303   | Nguyễn Thị Tuyên       | 10/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 651 | TD2024318   | Cao Thanh Phúc         | 03/06/1996 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 652 | TD2024323   | Nguyễn Quốc Ân         | 26/01/1990 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 653 | TD2024345   | Nguyễn Gia Bảo         | 21/02/1997 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 654 | TD2024347   | Nguyễn Thị Quỳnh Như   | 13/08/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 655 | TD2024364   | Bùi Thu Thương         | 18/11/1990 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 656 | TD2024369   | Đinh Quỳnh Giang       | 07/07/1999 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 657 | TD2024373   | Nguyễn Mỹ Huyền        | 08/04/1997 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 658 | TD2024374   | Trần Ngọc Kha          | 10/10/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 659 | TD2024385   | Đặng Thị Phương Thuận  | 13/12/1997 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 660 | TD2024387   | Lê Ngọc Viên           | 29/01/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 661 | TD2024391   | Nguyễn Thị Phương Thảo | 27/08/1991 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 662 | TD2024393   | Nguyễn Thanh Khang     | 30/10/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 663 | TD2024414   | Hoàng Ngọc Sơn         | 09/02/1988 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 664 | TD2024418   | Nguyễn Chế Linh        | 07/10/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 665 | TD2024438   | Dương Văn Minh         | 01/01/1998 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 666 | TD2024440   | Nguyễn Thị Thùy Linh   | 24/09/1999 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 667 | TD2024441   | Phạm Đức Khánh         | 02/11/1998 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 668 | TD2024445   | Nguyễn Tấn Hiếu         | 13/04/1997 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 669 | TD2024446   | Nguyễn Ngọc Minh        | 25/06/1987 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 670 | TD2024448   | Hồ Văn Chon             | 13/02/1996 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 671 | TD2024457   | Phạm Thị Trân Châu      | 12/06/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 672 | TD2024467   | Nguyễn Ngọc Bình        | 20/05/1994 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 673 | TD2024472   | Trịnh Thị Nghĩa Thảo    | 15/09/1998 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 674 | TD2024480   | Trần Phương Duy         | 09/03/1996 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 675 | TD2024484   | Nguyễn Thị Thanh Huyền  | 20/01/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 676 | TD2024488   | Hà Thương Thương        | 11/01/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 677 | TD2024492   | Nguyễn Thị Thanh Trúc   | 23/06/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 678 | TD2024493   | Huỳnh Thanh Hương       | 25/04/1997 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 679 | TD2024508   | Lê Nguyễn Trúc Anh      | 04/11/1996 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 680 | TD2024512   | Lữ Lâm Thiên Kim        | 25/11/1988 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 681 | TD2024515   | Mai Đỗ Thúy Uyển        | 01/09/1997 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 682 | TD2024519   | Lê Thị Tuyết Ngân       | 24/06/1997 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 683 | TD2024531   | Nguyễn Thị Phương Trinh | 15/08/1996 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 684 | TD2024547   | Trần Thị Hiền           | 08/08/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 685 | TD2024558   | Nguyễn Thị Diễm Thuý    | 10/04/1996 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 686 | TD2024559   | Nguyễn Việt Hào         | 23/01/1995 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 687 | TD2024574   | Bùi Bài Bình            | 19/09/1990 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 688 | TD2024582   | Lê Quỳnh Hương          | 18/01/1998 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 689 | TD2024583   | Tsần Cống Lồng      | 07/11/1983 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 690 | TD2024590   | Lưu Thị Hải Yến     | 08/01/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 691 | TD2024592   | Nguyễn Quốc Sinh    | 25/05/1985 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 692 | TD2024601   | Tô Thị Hoài Thu     | 27/11/1996 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 693 | TD2024603   | Đinh Tuyết Linh     | 25/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 694 | TD2024605   | Lê Hữu Đức          | 21/12/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 1    |         |
| 695 | TD2024607   | Huỳnh Thị Vân Khánh | 31/10/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 1    |         |
| 696 | TD2024611   | Lê Hoàng Minh Quân  | 08/02/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 1    |         |
| 697 | TD2024613   | Mai Thị Thảo Nguyên | 18/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 1    |         |
| 698 | TD2024626   | Tô Dương Nhật Hạ    | 31/05/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 1    |         |
| 699 | TD2024631   | Trần Thị Tuyết Nga  | 30/04/1989 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 1    |         |
| 700 | TD2024635   | Ngô Thị Ngọc Hân    | 27/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 1    |         |
| 701 | TD2024641   | Đỗ Thị Thu Ngân     | 24/10/1999 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 1    |         |
| 702 | TD2024651   | Nguyễn Gia Khánh    | 01/11/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 2    |         |
| 703 | TD2024653   | Trần Phước Lộc      | 29/11/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 2    |         |
| 704 | TD2024660   | Trần Văn Khỏe       | 09/11/1998 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 2    |         |
| 705 | TD2024662   | Hồ Nhật Vy          | 25/09/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 2    |         |
| 706 | TD2024665   | Hồ Thị Ngọc Hoa     | 21/02/1996 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 2    |         |
| 707 | TD2024672   | Hoàng Thị Nguyên    | 14/10/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 2    |         |
| 708 | TD2024681   | Ngô Nguyễn Quốc Bảo | 20/08/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 2    |         |
| 709 | TD2024694   | Nguyễn Hoàng Sơn    | 28/06/1993 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 2    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 710 | TD2024704   | Phạm Thành Trung      | 01/04/1995 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 3    |         |
| 711 | TD2024750   | Thái Hoàng Minh       | 26/09/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 3    |         |
| 712 | TD2024754   | Lê Huỳnh Đức          | 28/12/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 3    |         |
| 713 | TD2024757   | Trịnh Thị Kim Phụng   | 19/12/1989 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 3    |         |
| 714 | TD2024759   | Lê Thị Nhật Ánh       | 02/11/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 3    |         |
| 715 | TD2024760   | La Quý Phương         | 04/03/1998 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 3    |         |
| 716 | TD2024761   | Nguyễn Thị Thanh Thúy | 14/01/1996 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 3    |         |
| 717 | TD2024765   | Phạm Ngọc Minh Nhật   | 02/01/1985 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 3    |         |
| 718 | TD2024766   | Huỳnh Trí Thiện       | 18/02/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 4    |         |
| 719 | TD2024768   | Bùi Tường Vi          | 20/11/1992 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 4    |         |
| 720 | TD2024769   | Đỗ Văn Vĩnh           | 04/09/1994 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 4    |         |
| 721 | TD2024791   | Phạm Thị Hồng Vân     | 24/11/1994 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 4    |         |
| 722 | TD2024794   | Lê Quang Tuấn         | 02/04/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 4    |         |
| 723 | TD2024811   | Tạ Hoàng Kim Phụng    | 11/10/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 4    |         |
| 724 | TD2024817   | Trương Đăng Khoa      | 27/08/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 4    |         |
| 725 | TD2024820   | Đỗ Ngọc Phương Uyên   | 26/09/1999 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 4    |         |
| 726 | TD2024832   | Vũ Thị Thảo Nhi       | 28/06/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 5    |         |
| 727 | TD2024833   | Phạm Đắc Thắng        | 02/12/1996 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 5    |         |
| 728 | TD2024847   | Nguyễn Đình Bách      | 18/04/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 5    |         |
| 729 | TD2024850   | Nguyễn Thế Nhân       | 05/11/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 5    |         |
| 730 | TD2024855   | Nguyễn Phúc Anh Khoa  | 18/11/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 5    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 731 | TD2024882   | Võ Trọng Nghĩa         | 25/09/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 5    |         |
| 732 | TD2024906   | Đinh Phan Khánh Vũ     | 19/06/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 5    |         |
| 733 | TD2024911   | Nguyễn Thành Trung     | 28/02/1987 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 5    |         |
| 734 | TD2024912   | Đậu Nhật Quang         | 16/06/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 6    |         |
| 735 | TD2024917   | Nguyễn Thị Hồng Điệp   | 14/03/1989 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 6    |         |
| 736 | TD2024928   | Nguyễn Thị Phương Linh | 01/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 6    |         |
| 737 | TD2024933   | Phạm Duy Thơ           | 24/09/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 6    |         |
| 738 | TD2024937   | Đinh Thanh Phong       | 03/04/1998 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 6    |         |
| 739 | TD2024949   | Trần Công Lý           | 01/01/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 6    |         |
| 740 | TD2024954   | Nguyễn Thiên Phúc      | 26/08/1993 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 6    |         |
| 741 | TD2024960   | Trang Thanh Tâm        | 26/10/1992 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 6    |         |
| 742 | TD2024968   | Bích Văn Liêu          | 16/05/1989 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 7    |         |
| 743 | TD2024972   | Lê Thị Thu Hà          | 15/10/1994 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 7    |         |
| 744 | TD2024973   | Lê Ngọc Quỳnh Anh      | 14/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 7    |         |
| 745 | TD2024976   | Trần Thiện Trí         | 05/09/1995 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 7    |         |
| 746 | TD2024980   | Nguyễn Hồng Sơn        | 07/02/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 7    |         |
| 747 | TD2024990   | Nguyễn Tường Vy        | 21/10/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 7    |         |
| 748 | TD2024993   | Nguyễn Trung Việt      | 23/03/1996 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 7    |         |
| 749 | TD2024995   | Hồ Văn Trung           | 20/12/1995 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 7    |         |
| 750 | TD2024996   | Nguyễn Quốc Pháp       | 17/06/1994 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 8    |         |
| 751 | TD2024998   | Đinh Quốc Hiến         | 20/09/1992 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 8    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                    | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 752 | TD20241004  | Võ Tấn Đạt                | 27/01/1998 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 8    |         |
| 753 | TD20241007  | Nguyễn Phúc Tiến          | 03/11/1997 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 8    |         |
| 754 | TD20241017  | Nguyễn Phùng Hữu Trình    | 08/02/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 8    |         |
| 755 | TD20241021  | Chương Ngô Toàn Phúc      | 19/09/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 8    |         |
| 756 | TD20241031  | Trần Quốc Tuấn            | 23/07/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 8    |         |
| 757 | TD20241043  | Tư Đô Nguyên              | 01/07/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 8    |         |
| 758 | TD20241047  | Huỳnh Quốc Đạt            | 26/03/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 9    |         |
| 759 | TD20241051  | Nguyễn Văn Tiến Đạt       | 20/03/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 9    |         |
| 760 | TD20241055  | Phan Thành Tín            | 19/10/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 9    |         |
| 761 | TD20241056  | Nguyễn Thị Chi            | 20/11/1989 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 9    |         |
| 762 | TD20241058  | Lê Hoàng Uyên             | 24/02/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 9    |         |
| 763 | TD20241066  | Tô Phạm Quốc Toàn         | 28/09/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 9    |         |
| 764 | TD20241079  | Nguyễn Hồng Xuân          | 11/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 9    |         |
| 765 | TD20241080  | Vũ Minh Tâm               | 25/10/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 9    |         |
| 766 | TD20241081  | Huỳnh Trần Minh Thuận     | 09/05/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 10   |         |
| 767 | TD20241084  | Nguyễn Thùy An            | 19/02/1999 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 10   |         |
| 768 | TD20241087  | Phạm Chí Dũng             | 02/08/1991 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 10   |         |
| 769 | TD20241093  | Nguyễn Dương Phương Thành | 09/10/1992 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 10   |         |
| 770 | TD20241099  | Lê Minh Thức              | 15/10/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 10   |         |
| 771 | TD20241101  | Trần Ngọc Điền            | 06/07/1990 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 10   |         |
| 772 | TD20241108  | Tiêu Bửu Vinh             | 08/08/1997 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 10   |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 773 | TD20241117  | Võ Hoài Bảo Nghi       | 29/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Toán 10   |         |
| 774 | TD20241119  | Trương Gia Tiến        | 22/10/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 775 | TD20241120  | Đoàn Ngọc Thắm         | 18/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 776 | TD20241124  | Phạm Vũ Thanh          | 16/10/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 777 | TD20241125  | Nguyễn Hương Trâm      | 15/07/1999 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 778 | TD20241128  | Nguyễn Ngọc Thu Phương | 26/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 779 | TD20241131  | Nguyễn Minh Hải        | 30/06/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 780 | TD20241134  | Nguyễn Hoàng Kim Anh   | 28/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 781 | TD20241140  | Nguyễn Phương Thảo     | 18/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 1    |         |
| 782 | TD20241141  | Phạm Ngọc Xuân Vy      | 11/09/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 783 | TD20241143  | Nguyễn Trọng Nhân      | 28/09/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 784 | TD20241145  | Võ Hà Thư              | 24/12/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 785 | TD20241148  | Lê Thị Diệu Hoàng      | 16/04/1993 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 786 | TD20241150  | Nguyễn Mai Phương      | 16/11/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 787 | TD20241153  | Võ Anh Tuấn Duy        | 20/03/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 788 | TD20241154  | Hoàng Thị Thùy Linh    | 30/04/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 789 | TD20241155  | Ngô Thị Cẩm Tú         | 04/01/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 2    |         |
| 790 | TD20241156  | Lê Thị Trang           | 09/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 791 | TD20241161  | Phạm Nhật Tân          | 13/03/1996 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 792 | TD20241167  | Phan Công Kiên         | 09/02/1992 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 793 | TD20241169  | Đặng Thị Thu My        | 23/12/1992 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 794 | TD20241170  | Ngô Tùng Nhân         | 10/02/1994 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 795 | TD20241171  | Nguyễn Thị Hà Giang   | 18/09/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 796 | TD20241185  | Vũ Tuấn Thành         | 01/03/1998 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 797 | TD20241199  | Trần Thị Cẩm Tiên     | 16/12/1995 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 3    |         |
| 798 | TD20241213  | Lê Thị Lan Hương      | 17/07/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 799 | TD20241218  | Phạm Quốc Thuần       | 08/09/1978 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 800 | TD20241220  | Chu Phú Trường        | 17/08/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 801 | TD20241226  | Hồ Quốc Thanh         | 28/05/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 802 | TD20241228  | Phạm Như Quỳnh        | 22/10/2000 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 803 | TD20242230  | Hoàng Thị Hương       | 08/01/1998 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 804 | TD20242237  | Nguyễn Vũ Quỳnh Như   | 15/05/1998 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 4    |         |
| 805 | TD20242238  | Hồ Hương Giang        | 29/06/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 806 | TD20242245  | Nguyễn Thị Thu Hải    | 31/03/1995 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 807 | TD20242246  | Nguyễn Tổng Công Minh | 17/11/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 808 | TD20242250  | Nguyễn Thị Lệ Uyên    | 19/05/1993 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 809 | TD20243252  | Nguyễn Quốc Thái      | 15/09/1989 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 810 | TD20243253  | Vô Văn Hoá            | 01/01/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 811 | TD20243254  | Trần Quang Vinh       | 06/04/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 5    |         |
| 812 | TD20243257  | Vũ Đức Duy            | 26/11/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 813 | TD20243263  | Ngô Ngọc Thảo Anh     | 01/11/1998 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 814 | TD20243267  | Phạm Nguyễn Đăng Huy  | 14/08/1997 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 815 | TD20243270  | Võ Quang Tân           | 17/10/1997 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 816 | TD20243271  | Cao Thị Thùy Nhung     | 18/05/1997 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 817 | TD20243278  | Đồng Thị Mai Dung      | 29/01/1998 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 818 | TD20243285  | Huỳnh Thị Ánh Nguyên   | 18/06/1997 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 6    |         |
| 819 | TD20243286  | Phan Nguyễn Ngọc Anh   | 28/09/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 820 | TD20243288  | Nguyễn Trung Kiên      | 28/12/2000 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 821 | TD20243289  | Trần Minh Cường        | 23/05/1986 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 822 | TD20243301  | Phan Anh Tú            | 06/07/1990 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 823 | TD20243306  | Bùi Phùng Đức Anh      | 30/04/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 824 | TD20243307  | Nguyễn Thị Phương Nhi  | 24/03/1995 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 825 | TD20243321  | Lý Thị Khanh           | 27/08/1993 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 7    |         |
| 826 | TD20243322  | Lê Thị Cẩm Hằng        | 24/03/1997 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 827 | TD20243333  | Nguyễn Việt Thắng      | 04/05/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 828 | TD20244345  | Nguyễn Hoàng Minh Hiếu | 28/12/1997 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 829 | TD20244348  | Phan Văn Tân           | 29/03/1987 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 830 | TD20244355  | Trần Hữu Bảo           | 22/12/1993 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 831 | TD20244357  | Bùi Minh Châu          | 03/06/2001 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 832 | TD20244366  | Nguyễn Hoàng Hải       | 20/01/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 8    |         |
| 833 | TD20244370  | Huỳnh Văn Thật         | 07/09/1993 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 834 | TD20244377  | Lê Vũ Gia Huy          | 10/01/1999 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 835 | TD20244396  | Nguyễn Hoài Nam        | 15/04/1994 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 836 | TD20245400  | Trần Thanh Vũ Tùng   | 14/12/1988 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 837 | TD20245408  | Đỗ Hoàng Thuỳ Trang  | 04/03/2002 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 838 | TD20245421  | Nguyễn Hoàng Khải    | 11/02/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 839 | TD20245439  | Nguyễn Quốc Thịnh    | 09/12/2002 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 9    |         |
| 840 | TD20241019  | Nguyễn Lâm Thành Lộc | 29/11/1994 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 841 | TD2024154   | Nguyễn Đặng Minh Huy | 30/07/1995 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 842 | TD2024357   | Nguyễn Văn Nguyên    | 05/01/1991 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 843 | TD2024399   | Trương Thị Loan      | 05/08/1996 | Nữ        | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 844 | TD2024859   | Trần Quang Phú       | 14/02/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 845 | TD2024922   | Nguyễn Minh Hiếu     | 24/12/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 846 | TD2024955   | Tạ Ngân Minh Khôi    | 27/09/2001 | Nam       | Giáo viên Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 04/08/2024 | Sáng     | Toán 10   |         |
| 847 | TD202451    | Vũ Thiên Triệu       | 28/04/1997 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 1  |         |
| 848 | TD202481    | Trần Quang Thịnh     | 16/05/1998 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 1  |         |
| 849 | TD2024103   | Nguyễn Thị Hằng      | 08/08/1993 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 1  |         |
| 850 | TD2024188   | Đinh Quốc Khôi       | 25/10/2001 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 1  |         |
| 851 | TD2024224   | Trần Thị Huyền       | 01/02/1982 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 1  |         |
| 852 | TD2024251   | Cao Trần Anh Quốc    | 16/04/1999 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 1  |         |
| 853 | TD2024260   | Nguyễn Hiệp Thịnh    | 06/11/1997 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 1  |         |
| 854 | TD2024306   | Trần Trọng Tiến      | 16/03/2001 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 2  |         |
| 855 | TD2024327   | Nguyễn Thị Trang     | 24/01/1994 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 2  |         |
| 856 | TD2024332   | Nguyễn Thanh Tuyền   | 05/10/2000 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)   |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 2  |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                              | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 857 | TD2024340   | Huỳnh Minh Khôi        | 13/10/2000 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 2  |         |
| 858 | TD2024342   | Lê Huỳnh Hoài Bảo      | 23/04/1991 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 2  |         |
| 859 | TD2024344   | Phạm Duy Kiên          | 03/02/2001 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 2  |         |
| 860 | TD2024392   | Tạ Hoàng Anh Khoa      | 16/10/1996 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 2  |         |
| 861 | TD2024407   | Quách Trí Minh         | 30/11/2000 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 3  |         |
| 862 | TD2024433   | Đinh Thị Tuyết Ngân    | 31/10/1996 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 3  |         |
| 863 | TD2024495   | Phạm Thụy Phương Uyên  | 29/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 3  |         |
| 864 | TD2024502   | Nguyễn Hữu Phước Trình | 28/04/1993 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 3  |         |
| 865 | TD2024690   | Nguyễn Thành Đô        | 17/04/1998 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) | 3                              | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 3  |         |
| 866 | TD2024702   | Nguyễn Thị Như Ý       | 05/02/2002 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 3  |         |
| 867 | TD2024743   | Trần Mỹ Duyên          | 17/10/2000 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 3  |         |
| 868 | TD2024758   | Hoàng Thanh Thảo       | 28/05/2002 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 4  |         |
| 869 | TD2024771   | Phạm Thanh Tòng        | 09/11/1997 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 4  |         |
| 870 | TD2024774   | Huỳnh Ngọc Như Tâm     | 03/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 4  |         |
| 871 | TD2024799   | Lê Thị Kim Châu        | 26/11/2000 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 4  |         |
| 872 | TD2024823   | Phạm Minh Thương       | 04/11/1998 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 4  |         |
| 873 | TD2024864   | Nguyễn Văn Duy         | 11/01/1992 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 4  |         |
| 874 | TD2024878   | Lê Thị Kiều Tiên       | 22/02/1997 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Vật lý 4  |         |
| 875 | TD2024897   | Phan Duy Hải           | 25/04/1998 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 1  |         |
| 876 | TD2024898   | Huỳnh Ngô Gia Phúc     | 16/01/2001 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 1  |         |
| 877 | TD2024902   | Phạm Hoàng Dũng        | 19/07/1999 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 1  |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 878 | TD2024934   | Nguyễn Thị Kiều Liên   | 02/01/1997 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 1  |         |
| 879 | TD2024981   | Đoàn Thị Yến Linh      | 21/02/1995 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 1  |         |
| 880 | TD2024994   | Lê Bích Liên           | 24/08/1998 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 1  |         |
| 881 | TD20241035  | Nguyễn Thanh Trúc      | 06/10/2002 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 2  |         |
| 882 | TD20241036  | Huỳnh Thị Ngọc Duyên   | 01/02/1999 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 2  |         |
| 883 | TD20241123  | Nguyễn Đức Nam         | 26/02/1997 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 2  |         |
| 884 | TD20241160  | Trương Chí Hiếu        | 19/09/1995 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 2  |         |
| 885 | TD20241225  | Lê Quang Huy           | 20/03/2002 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 2  |         |
| 886 | TD20242225  | Nguyễn Trần Ái Kỳ      | 02/04/1999 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 2  |         |
| 887 | TD20243297  | Lê Nguyên Khoa         | 18/01/2001 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 3  |         |
| 888 | TD20243309  | Lê Châu Đạt            | 10/04/2000 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 3  |         |
| 889 | TD20243318  | Trương Hoàng Linh      | 23/05/1999 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 3  |         |
| 890 | TD20243330  | Trần Quốc Qui          | 12/08/1999 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 3  |         |
| 891 | TD20244326  | Nguyễn Thị Tiên        | 12/06/1993 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 3  |         |
| 892 | TD20244367  | Bùi Hoàng Nhã Uyên     | 16/11/2002 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 3  |         |
| 893 | TD20245407  | Trần Mạch Hoàng Khuyên | 04/02/1990 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 4  |         |
| 894 | TD20245424  | Nguyễn Đức Anh         | 08/12/2000 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 4  |         |
| 895 | TD2024267   | Võ Hồ Hoàng Anh        | 25/08/2002 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 4  |         |
| 896 | TD2024269   | Bùi Lê Đăng Khoa       | 25/07/2002 | Nam       | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 4  |         |
| 897 | TD2024479   | Huỳnh Thị Thu Vân      | 14/04/1996 | Nữ        | Giáo viên Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)    |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Vật lý 4  |         |
| 898 | TD2024159   | Hoàng Anh Giáp         | 29/09/1990 | Nam       | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng III, mã số: V.11.06.14) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | CNTT      |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                 | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 899 | TD20244353  | Trần Duy Thịnh         | 15/12/2000 | Nam       | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng III, mã số: V.11.06.14) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | CNTT      |         |
| 900 | TD20244392  | Nguyễn Thị Ngọc Thảo   | 11/02/2000 | Nữ        | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng III, mã số: V.11.06.14) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | CNTT      |         |
| 901 | TD20245429  | Trần Minh Tấn          | 29/07/2001 | Nam       | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng III, mã số: V.11.06.14) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | CNTT      |         |
| 902 | TD20241000  | Lê Văn Hiên            | 01/01/1990 | Nam       | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng III, mã số: V.11.06.14) | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | CNTT      |         |
| 903 | TD2024209   | Võ Anh Văn             | 18/12/1982 | Nam       | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng IV, mã số: V.11.06.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | CNTT      |         |
| 904 | TD2024428   | Nghiêm Xuân Huy        | 24/06/1984 | Nam       | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng IV, mã số: V.11.06.15)  | 3                              | 03/08/2024 | Chiều    | CNTT      |         |
| 905 | TD2024828   | Trì Thụy Kim Nguyên    | 10/12/1989 | Nữ        | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng IV, mã số: V.11.06.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | CNTT      |         |
| 906 | TD20244362  | Đỗ Hải Thuận           | 14/10/1987 | Nam       | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng IV, mã số: V.11.06.15)  |                                | 03/08/2024 | Chiều    | CNTT      |         |
| 907 | TD20244393  | Phan Quý Phi           | 07/08/1991 | Nam       | Nhân viên Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng IV, mã số: V.11.06.15)  | 3                              | 03/08/2024 | Chiều    | CNTT      |         |
| 908 | TD202453    | Nguyễn Thị Mỹ Hảo      | 21/03/1999 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Giáo vụ   |         |
| 909 | TD2024178   | Phan Thị Huyền         | 24/01/1992 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Giáo vụ   |         |
| 910 | TD2024194   | Hồ Phương Đạt          | 03/07/2000 | Nam       | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Giáo vụ   |         |
| 911 | TD2024526   | Bùi Đoàn Trọng Nguyên  | 01/02/1999 | Nam       | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Giáo vụ   |         |
| 912 | TD2024683   | Lao Cảnh Song Nguyên   | 12/11/2002 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Giáo vụ   |         |
| 913 | TD2024925   | Trương Thị Mỹ Trang    | 15/05/1998 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Giáo vụ   |         |
| 914 | TD2024930   | Phạm Lệ Hằng           | 10/01/2000 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Giáo vụ   |         |
| 915 | TD20242233  | Nguyễn Ngọc Phương     | 07/12/1985 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Giáo vụ   |         |
| 916 | TD20243310  | Nguyễn Thị Hoài Thương | 11/07/2002 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Giáo vụ   |         |
| 917 | TD20244363  | Đinh Thị Kim Ngọc      | 02/07/1994 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Giáo vụ   |         |
| 918 | TD2024739   | Lê Thị Thu Hồng        | 31/01/1998 | Nữ        | Nhân viên Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)                        |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Giáo vụ   |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                    | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 919 | TD202443    | Nguyễn Thị Thanh Loan | 18/12/1992 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Kế toán   |         |
| 920 | TD2024198   | Nguyễn Thị Thảo       | 17/10/1990 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Kế toán   |         |
| 921 | TD2024259   | Trần Mỹ Phụng         | 24/11/1993 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Kế toán   |         |
| 922 | TD2024358   | Phan Thanh Loan       | 18/12/1990 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Kế toán   |         |
| 923 | TD2024465   | Nguyễn Thị Nhung      | 20/03/1988 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Kế toán   |         |
| 924 | TD2024729   | Phạm Thị Cẩm Vân      | 17/02/1990 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Kế toán   |         |
| 925 | TD2024807   | Đoàn Thị Ngọc Yên     | 27/11/1981 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Kế toán   |         |
| 926 | TD2024895   | Dương Thị Kim Lợi     | 20/08/1993 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Kế toán   |         |
| 927 | TD20241011  | Phan Thị Hồng Tân     | 10/05/1983 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Kế toán   |         |
| 928 | TD20241188  | Lê Thị Bích Tuyền     | 22/11/1984 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Kế toán   |         |
| 929 | TD20241195  | Nguyễn Thúy Ngọc      | 26/01/1994 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Kế toán   |         |
| 930 | TD20244390  | Lê Thị Thu Hà         | 05/11/1985 | Nữ        | Nhân viên Kế toán (Kế toán viên, mã số 06.031)                                     |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Kế toán   |         |
| 931 | TD2024238   | Lê Thị Thái           | 28/06/1995 | Nữ        | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (Nhân viên thiết bị, thí nghiệm, mã số: V.07.07.20) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thiết bị  |         |
| 932 | TD2024326   | Nguyễn Thị Nhân       | 03/01/1987 | Nữ        | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (Nhân viên thiết bị, thí nghiệm, mã số: V.07.07.20) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thiết bị  |         |
| 933 | TD2024957   | Đinh Văn Tự           | 25/10/1994 | Nam       | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (Nhân viên thiết bị, thí nghiệm, mã số: V.07.07.20) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thiết bị  |         |
| 934 | TD2024962   | Đoàn Anh Tuấn         | 24/08/1999 | Nam       | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (Nhân viên thiết bị, thí nghiệm, mã số: V.07.07.20) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thiết bị  |         |
| 935 | TD20243303  | Nguyễn Thị Thu Vân    | 06/03/1985 | Nữ        | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (Nhân viên thiết bị, thí nghiệm, mã số: V.07.07.20) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thiết bị  |         |
| 936 | TD20245415  | Nguyễn Hữu Bá         | 20/07/1979 | Nam       | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (Nhân viên thiết bị, thí nghiệm, mã số: V.07.07.20) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thiết bị  |         |
| 937 | TD2024476   | Nguyễn Thị Thanh Tâm  | 25/04/1985 | Nữ        | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (Nhân viên thiết bị, thí nghiệm, mã số: V.07.07.20) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thiết bị  |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|-----------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 938 | TD2024227   | Trương Thị Thu Hà    | 25/05/1977 | Nữ        | Nhân viên Thủ quỹ (Nhân viên, mã số: 01.005)                   |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Kế toán   |         |
| 939 | TD20244329  | Trần Lê Hải Yến      | 06/01/2001 | Nữ        | Nhân viên Thủ quỹ (Nhân viên, mã số: 01.005)                   |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Kế toán   |         |
| 940 | TD2024202   | Lê Ngọc Yến          | 07/02/1991 | Nữ        | Nhân viên Thư Viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thư viện  |         |
| 941 | TD2024250   | Nguyễn Thị Hương     | 10/02/1990 | Nữ        | Nhân viên Thư Viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thư viện  |         |
| 942 | TD2024889   | Trần Thị Thúy        | 17/07/1974 | Nữ        | Nhân viên Thư Viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thư viện  |         |
| 943 | TD20241133  | Trương Bích Vân      | 04/05/1984 | Nữ        | Nhân viên Thư Viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06) |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thư viện  |         |
| 944 | TD202414    | Huỳnh Thị Hiếu Hạnh  | 11/12/1992 | Nữ        | Nhân viên Thư Viện (Thư viện viên hạng IV, mã số: V.10.02.07)  | 2                              | 03/08/2024 | Sáng     | Thư viện  |         |
| 945 | TD2024701   | Lê Nhã Khương        | 06/10/1982 | Nữ        | Nhân viên Thư Viện (Thư viện viên hạng IV, mã số: V.10.02.07)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thư viện  |         |
| 946 | TD20241065  | Vũ Thị Toán          | 26/01/1982 | Nữ        | Nhân viên Thư Viện (Thư viện viên hạng IV, mã số: V.10.02.07)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thư viện  |         |
| 947 | TD20243287  | Phạm Thị Nga         | 06/06/1986 | Nữ        | Nhân viên Thư Viện (Thư viện viên hạng IV, mã số: V.10.02.07)  |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Thư viện  |         |
| 948 | TD2024424   | Lê Khánh Ngân        | 08/12/1997 | Nữ        | Nhân viên Văn thư (Văn thư viên trung cấp, mã số 02.008)       |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Văn thư   |         |
| 949 | TD2024101   | Nguyễn Thị Thanh Yến | 08/03/1993 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Y tế      |         |
| 950 | TD2024170   | Huỳnh Thị Mỹ Anh     | 17/12/1994 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Y tế      |         |
| 951 | TD2024336   | Đặng Thanh Thúy      | 13/08/1983 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Y tế      |         |
| 952 | TD2024598   | Nguyễn Thị Thùy Dung | 03/04/1993 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Y tế      |         |
| 953 | TD2024617   | Trịnh Thị Nhung      | 15/05/1986 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Y tế      |         |
| 954 | TD2024644   | Trần Thị Phương Thúy | 18/11/1988 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Sáng     | Y tế      |         |
| 955 | TD2024734   | Trần Nhật Cẩm Tú     | 05/04/1993 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Y tế      |         |
| 956 | TD2024812   | Trần Thị Minh Tuyền  | 20/02/1991 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Y tế      |         |
| 957 | TD2024885   | Nguyễn Lê Phước Lộc  | 20/12/1992 | Nam       | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07)               |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Y tế      |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                  | Đối tượng ưu tiên (1, 2, 3, 4) | Ngày thi   | Buổi thi | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------|-----------|---------|
| 958 | TD2024908   | Nguyễn Thị Thu Thúy | 30/10/1984 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Y tế      |         |
| 959 | TD20243284  | Nguyễn Trần Diễm Mi | 29/01/1991 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Y tế      |         |
| 960 | TD2024410   | Phạm Thị Kim Thắm   | 02/12/1987 | Nữ        | Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07) |                                | 03/08/2024 | Chiều    | Y tế      |         |

Danh sách có 960 thí sinh./.

**Ghi chú:**

- Diện ưu tiên:
- 1) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.
  - 2) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động.
  - 3) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong.
  - 4) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân.